



UNIVERSITY  
OF WOLLONGONG  
AUSTRALIA

University of Wollongong  
Research Online

---

Faculty of Law, Humanities and the Arts - Papers

Faculty of Law, Humanities and the Arts

---

2012

# Du doan nhung Hieu ung cua viec thanh lap Toa an Nguoi chua thanh nien o Viet Nam voi viec thuc hien trach nhien phap ly quoc gia theo Cong uoc quoc te ve quyen tre em (part 1)

Thi Thanh Nga Pham

*University of Wollongong*, [ttnp744@uowmail.edu.au](mailto:ttnp744@uowmail.edu.au)

---

## Publication Details

Pham, T. (2012). Du doan nhung Hieu ung cua viec thanh lap Toa an Nguoi chua thanh nien o Viet Nam voi viec thuc hien trach nhien phap ly quoc gia theo Cong uoc quoc te ve quyen tre em (part 1). *The People's Court Journal*, 58 (2), 38-45.

Research Online is the open access institutional repository for the University of Wollongong. For further information contact the UOW Library:  
[research-pubs@uow.edu.au](mailto:research-pubs@uow.edu.au)

---

# Du doan nhung Hieu ung cua viec thanh lap Toa an Ngoai chua thanh nien o Viet Nam voi viec thuc hien trach nhiem phap ly quoc gia theo Cong uoc quoc te ve quyen tre em (part 1)

## Abstract

Từ khi phê chuẩn Công ước quyền trẻ em (CƯQTE), Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong việc bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển hài hòa của trẻ em. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có nhiều trẻ em Việt Nam đang sống trong những hoàn cảnh khó khăn, không có được những sự bảo đảm như các quy định của CƯQTE và các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan. Điều này có nghĩa là Việt Nam chưa hoàn thành trách nhiệm pháp lý của một quốc gia thành viên của CƯQTE. Những hạn chế của việc thiếu được bảo đảm về các quyền của trẻ em dường như nghiêm trọng hơn trong lĩnh vực tư pháp, đối với quyền của các trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là nạn nhân và nhân chứng của tội phạm. “Làm thế nào để nâng cao việc bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp” là một câu hỏi lớn đối với không chỉ các cơ quan có chức năng bảo vệ trẻ em mà cả các cơ quan lập pháp, hoạch định chính sách và các cơ quan tư pháp của Việt Nam. Vấn đề này hiện đang được thảo luận rộng rãi, đặc biệt từ khi có Quyết định số 267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2011), Phê duyệt chương trình Quốc gia Bảo vệ trẻ em Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015. Trong số đó, quan điểm về việc thành lập tòa án chuyên trách để giải quyết các vụ án liên quan đến trẻ em được xem như một phương án khả thi. Trên phương diện về việc thực hiện trách nhiệm thành viên của CƯQTE, liệu rằng việc thành lập Tòa án người chưa thành niên có hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý quốc gia, đặc biệt là bảo vệ quyền của trẻ em trong lĩnh vực tư pháp? Để trả lời câu hỏi chính này, trên quan điểm của một người nghiên cứu pháp luật về quyền trẻ em, bài viết sẽ giải quyết các câu hỏi phụ sau:

## Keywords

part, tre, em, lap, toa, ngoai, chua, nien, o, viet, nam, voi, thuc, hien, trach, nhiem, phap, ly, viec, gia, theo, cong, uoc, te, ve, quoc, quyen, du, doan, nhung, hieu, thanh, ung, cua, 1

## Disciplines

Arts and Humanities | Law

## Publication Details

Pham, T. (2012). Du doan nhung Hieu ung cua viec thanh lap Toa an Ngoai chua thanh nien o Viet Nam voi viec thuc hien trach nhiem phap ly quoc gia theo Cong uoc quoc te ve quyen tre em (part 1). *The People's Court Journal*, 58 (2), 38-45.

# DỰ ĐOÁN NHỮNG HIỆU ỨNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP TÒA ÁN NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN Ở VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC THI TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ QUỐC GIA THEO CÔNG ƯỚC QUYỀN TRẺ EM

Phạm Thị Thanh Nga

Từ khi phê chuẩn Công ước quyền trẻ em (CƯQTE), Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong việc bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển hài hòa của trẻ em. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có nhiều trẻ em Việt Nam đang sống trong những hoàn cảnh khó khăn, không có được những sự bảo đảm như các quy định của CƯQTE và các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan. Điều này có nghĩa là Việt Nam chưa hoàn thành trách nhiệm pháp lý của một quốc gia thành viên của CƯQTE. Những hạn chế của việc thiếu được bảo đảm về các quyền của trẻ em dường như nghiêm trọng hơn trong lĩnh vực tư pháp, đối với quyền của các trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là nạn nhân và nhân chứng của tội phạm. “Làm thế nào để nâng cao việc bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp” là một câu hỏi lớn đối với không chỉ các cơ quan có chức năng bảo vệ trẻ em mà cả các cơ quan lập pháp, hoạch định chính sách và các cơ quan tư pháp của Việt Nam. Vấn đề này hiện đang được thảo luận rộng rãi, đặc biệt từ khi có Quyết định số 267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2011), Phê duyệt chương trình Quốc gia Bảo vệ trẻ em Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015. Trong số đó, quan điểm về việc thành lập tòa án chuyên trách để giải quyết các vụ án liên quan đến trẻ em được xem như một phương án khả thi. Trên phương diện về việc thực hiện trách nhiệm thành viên của CƯQTE, liệu rằng việc thành lập Tòa án người chưa thành niên có hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý quốc gia, đặc biệt là bảo vệ quyền của trẻ em trong lĩnh vực tư pháp? Để trả lời câu hỏi chính này, trên quan điểm của một người nghiên cứu pháp luật về quyền trẻ em, bài viết sẽ giải quyết các câu hỏi phụ sau:

1. Trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực tư pháp của các quốc gia thành viên CƯQTE là những gì?
2. Việt Nam đã thực hiện trách nhiệm theo CƯQTE ở mức độ nào?
3. Những hạn chế trong việc bảo vệ trẻ em của hệ thống tư pháp hiện nay là gì?
4. Những vấn đề cần lưu ý đối với việc thành lập Tòa án người chưa thành niên là gì?
5. Những mục tiêu nào có thể đạt được trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em khi Tòa án người chưa thành niên được thành lập?

Các câu trả lời sẽ lần lượt được tìm thấy qua các phần của bài viết. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc thành lập Tòa án người chưa thành niên là một công việc khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực và đầu tư về nhiều phương diện. Nhưng nó có thể thúc đẩy, nâng cao hoạt động và hiệu quả của công tác bảo vệ trẻ em, đặc biệt là người chưa thành niên phạm tội, trẻ em là nạn nhân hoặc nhân chứng của tội phạm. Điều này có nghĩa là Việt Nam có khả năng thực hiện tốt hơn trách nhiệm pháp lý quốc gia theo CƯQTE khi Tòa án người chưa thành niên được thành lập và hoạt động hiệu quả.

## I. KHÁI QUÁT VỀ CUQTE VÀ CÁC VĂN KIỆN PHÁP LÝ QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN VỀ QUYỀN CỦA TRẺ EM TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP

Công ước quyền trẻ em (United Nations 1989) được thông qua và mở cho các quốc gia ký kết, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc số 44/25 ngày 20/10/1989; bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 02/9/1990, phù hợp với quy định tại Điều 49 của Công ước<sup>1</sup>. CUQTE bao gồm lời nói đầu và 54 điều luật quy định về các quyền của trẻ em một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; quy định trách nhiệm của các quốc gia, của cha mẹ và các tổ chức liên quan; và một số điều về thực thi công ước.

Ngay sau khi được giới thiệu, CUQTE đã được chấp nhận hết sức nhanh chóng và rộng rãi hơn tất cả các công ước khác về quyền con người. Theo dữ liệu của Liên hợp quốc,<sup>2</sup> CUQTE đã được phê chuẩn toàn cầu bởi hầu hết các nước trên thế giới, 193 quốc gia thành viên, bao gồm tất cả các thành viên của Liên hợp quốc ngoại trừ hai quốc gia đã ký kết nhưng chưa phê chuẩn là Mỹ và Somalia.<sup>3</sup> Điều này có nghĩa tất cả các quyền con người của trẻ em và các biện pháp thực thi được quy định trong Công ước đã được chính thức chấp nhận và có giá trị pháp lý bắt buộc đối với hầu hết các chính phủ trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Các quốc gia thành viên có trách nhiệm phải tiến hành tất cả các biện pháp thuộc về lập pháp, quản lý hành chính và các biện pháp thích hợp khác để hiện thực hóa các quyền của trẻ em được ghi nhận trong Công ước (Điều 4).

Không chỉ được đề cập đến trong các văn bản pháp luật quốc gia và quốc tế, quyền trẻ em còn thu hút được sự quan tâm của rất nhiều học giả ở khắp các quốc gia và đối tượng của truyền thông đại chúng như đài, báo, truyền hình. Điều này có thể giải thích bởi bất kỳ quốc gia nào cũng có trẻ em, trẻ em luôn là một đối tượng được quan tâm đặc biệt trong đời sống chính trị, xã hội và trong mỗi gia đình.

Khảo sát các nghiên cứu liên quan đến quyền trẻ em, có thể thấy bắt gặp các câu hỏi “Quyền trẻ em là gì?” được đưa ra như một đối tượng trong một phạm vi nghiên cứu rộng hơn hoặc chuyên sâu về một quyền cụ thể của trẻ em như: Một số suy nghĩ về quyền trẻ em (Reid 2007: 46); Quyền tham gia của trẻ em (Handley 2009: 83), và Sai lầm trong giáo dục trẻ em về các quyền của chúng (Howe & Covell 2010: 92). Hoặc một số nghiên cứu khác cũng đề cập đến khái niệm quyền trẻ em như: Quyền con người và sức khỏe của trẻ em (Raman et al. 2007: 581-582), và Quyền con người của trẻ em - Thách thức, những rào cản đối với sự phát triển tự do của trẻ em (Howe & Covell 2010: 1). Dù vậy, thật khó để tìm thấy một định nghĩa rõ ràng về khái niệm quyền trẻ em. Các nghiên cứu có thể đề cập đến các văn kiện pháp lý quốc tế trước khi có CUQTE như Tuyên ngôn Giơ-ne-vơ năm 1924 của Hội quốc liên, hoặc Tuyên ngôn năm 1959 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về Quyền của trẻ em (League of Nations 1924; United Nations 1959). Tuy nhiên, nội dung chính của các nghiên cứu đều dựa trên những quyền cụ thể của trẻ em được quy định trong CUQTE để phân tích, thảo luận và đề xuất các kiến nghị cho việc thực thi các quyền đó mà không có tranh luận đáng kể về khái niệm, hay nội dung của “quyền trẻ em”. Về điều này, nhà nghiên cứu Alanen nhận xét: Các nghiên cứu về quyền con người của trẻ em có thể

<sup>1</sup> Xem <http://www2.ohchr.org/english/law/crc.htm>

<sup>2</sup> Cập nhật lần cuối ngày 8/5/2012

<sup>3</sup> Hai quốc gia này đều đã ký kết nhưng chưa phê chuẩn CUQTE. Mỹ ký Công ước vào ngày 16-02-1995; Somalia ký vào ngày 09-5-2002. Xem thêm tại:

[http://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg\\_no=IV-11&chapter=4&lang=en](http://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=IV-11&chapter=4&lang=en)

khác nhau về nội dung, phạm vi nghiên cứu nhưng cùng chia sẻ cách tiếp cận rằng quyền trẻ em là những quyền được quy định trong CƯQTE (Alanen 2010: 6).

Như vậy, từ cả hai phương diện, luật pháp và nghiên cứu khoa học, quyền trẻ em được hiểu là những quyền được quy định trong CƯQTE. Công ước đã trở thành tiêu chuẩn chung cho việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em; căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của các quốc gia trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền của mỗi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ.

Trên phương diện quyền của trẻ em, Công ước có thể được chia thành các nguyên tắc cơ bản và những quyền cụ thể. Bốn nguyên tắc cơ bản được áp dụng trong tất cả các lĩnh vực quyền của trẻ em, gồm Không phân biệt đối xử (Điều 2); Những lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 3); Quyền sống và phát triển (Điều 6) và Quyền được tôn trọng (Điều 12). Bên cạnh đó, trẻ em có một loạt các quyền như quyền được đăng ký khai sinh ngay lập tức sau khi chào đời và được chăm sóc bởi cha mẹ (Điều 7), quyền đối với tên gọi và quốc tịch (Điều 7), quyền được học hành (Điều 28); quyền vui chơi, tham gia các hoạt động văn hóa (Điều 31), quyền không bị tra tấn, đối xử độc ác, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá (Điều 37 khoản 1)... Có thể nói rằng, chỉ trong một văn kiện CƯQTE đã chứa đựng toàn bộ và đầy đủ các quyền con người của trẻ em, bao gồm tất cả các quyền về kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và chính trị (Mower 1997: 6).

Trong lĩnh vực tư pháp - lĩnh vực giải quyết các vi phạm pháp luật, quyền của trẻ em có liên quan cũng như trách nhiệm của quốc gia cần phải thỏa mãn 4 nguyên tắc cơ bản và những quy định cụ thể được chuyển tải bởi các Điều 37, 39 và 40 của Công ước.

Điều 37 và 40 quy định về trách nhiệm của quốc gia phải công nhận và đảm bảo những quyền tối thiểu của trẻ em những trẻ em vi phạm pháp luật, nhấn mạnh rằng:

- Không trẻ em nào phải chịu tra tấn, bị đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá (Điều 37/a);
- Không áp dụng hình phạt tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng được phóng thích đối với những vi phạm pháp luật được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi (Điều 37/a);
- Việc tước tự do đối với trẻ em chỉ được sử dụng như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất (Điều 37/b);
- Trẻ em bị tước tự do phải được cách ly với người lớn trừ trường hợp không làm như vậy không vì lợi ích tốt nhất của các em; được duy trì sự tiếp xúc với gia đình trừ những trường hợp ngoại lệ; có quyền được nhanh chóng tiếp cận sự trợ giúp pháp lý và các sự hỗ trợ thích hợp khác và quyền chất vấn về tính hợp pháp của việc tước tự do (Điều 37/c,d);
- Không trẻ em nào bị coi là vi phạm pháp luật hình sự vì những hành vi mà pháp luật quốc gia và quốc tế không cấm vào thời điểm thực hiện (Điều 40/2);
- Trẻ em dưới những độ tuổi nhất định được xem là không có khả năng vi phạm pháp luật hình sự (Điều 40/3);

- Trẻ em vi phạm pháp luật hình sự phải được đối xử theo cách thức cổ vũ ý thức của trẻ về sự tôn trọng đối với quyền của người khác, phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh của trẻ và thúc đẩy sự tái hòa nhập và việc đảm đương một vai trò xây dựng trong xã hội của trẻ em (Điều 40/1);
- Trẻ em vi phạm pháp luật hình sự được đảm bảo các quyền tối thiểu, bao gồm: được giả định là vô tội cho tới khi tội phạm được chứng minh; được thông báo nhanh chóng và trực tiếp về những điều bị buộc tội; được hỗ trợ về pháp lý; không bị ép buộc phải làm chứng hoặc nhận tội; quyền riêng tư được tôn trọng trong suốt các giai đoạn tố tụng (Điều 40/2);

Công ước cũng quy định rằng: Các quốc gia phải tìm cách thúc đẩy việc hình thành các đạo luật, thủ tục, quy định, các cơ quan và thể chế áp dụng riêng cho trẻ em bị coi là, tố cáo hay bị thừa nhận là đã vi phạm pháp luật hình sự (Điều 40/3); phải có sẵn nhiều biện pháp khác nhau như lệnh giám sát, tạm tha... bên cạnh các biện pháp chăm sóc tập trung để đảm bảo phù hợp với phúc lợi của trẻ em; tương xứng với hoàn cảnh của các em và của tội phạm.

Điều 39 của Công ước chỉ ra trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc bảo vệ trẻ em là nạn nhân của mọi hình thức vi phạm, bao gồm trẻ em nạn nhân của tội phạm, ghi nhận rằng:

*Các quốc gia thành viên phải thi thành mọi biện pháp thích hợp để thúc đẩy sự phục hồi về thể chất, tâm lý và sự tái hòa nhập xã hội của trẻ em là nạn nhân của bất kỳ hình thức bỏ mặc, bóc lột hay lạm dụng, tra tấn hay bất kỳ hình thức đối xử hay trừng phạt độc ác, vô nhân đạo và nhục hình nào khác, hoặc của các cuộc xung đột vũ trang. Sự phục hồi và tái hòa nhập như thế phải diễn ra trong một môi trường làm tăng cường sức khỏe, lòng tự trọng và phẩm giá của trẻ em (Điều 39 CRC).*

Các quy định nêu trên của CƯQTE đã thiết lập những tiêu chuẩn nền tảng cho quyền của trẻ em trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm quyền của trẻ em vi phạm pháp luật và trẻ em là nạn nhân. Tuy nhiên những quy định này cần được giải thích và nhận thức trong mối liên hệ tương thuộc với các nguyên tắc cơ bản và các điều luật khác của Công ước trong một tổng thể các quyền của trẻ em và trong một bối cảnh rộng hơn của quyền con người.

Trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người, có rất nhiều các hướng dẫn, quy tắc, tiêu chuẩn hoặc các khuyến cáo trong lĩnh vực tư pháp liên quan đến việc thực thi CƯQTE. Những văn kiện này quy định chi tiết các tiêu chuẩn hoặc cung cấp các hướng dẫn thực hành chi tiết trong những lĩnh vực hẹp và cụ thể hơn, bao gồm:

1. Các hướng dẫn của Liên hợp quốc đối với phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật, gọi tắt là Hướng dẫn Riyadh (United Nations 1990a) chỉ ra những biện pháp phòng ngừa chung, các quá trình và chính sách xã hội mà các quốc gia cần áp dụng để ngăn ngừa trẻ em thực hiện tội phạm, đặc biệt là những trẻ em sống trong những hoàn cảnh khó khăn như trẻ em nghèo, bị bỏ rơi, bị lạm dụng;
2. Bộ quy tắc về tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc đối với quản lý tư pháp người chưa thành niên, gọi tắt là quy tắc Bắc Kinh (United Nations 1985a), quy định

khuôn khổ pháp lý mà hệ thống tư pháp của các quốc gia nên tuân theo để đảm bảo rằng trẻ em vi phạm pháp luật được đối xử một cách công bằng và nhân đạo. Trong đó chỉ rõ các yêu cầu đối với việc quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bảo vệ sự riêng tư, quyền của người chưa thành niên phạm tội và các yêu cầu về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử, việc xử lý chuyên hướng và giam giữ;

3. Bộ quy tắc của Liên hợp quốc về bảo vệ trẻ em bị tước tự do, gọi tắt là quy tắc Havana (United Nations 1990b), thiết lập một tiêu chuẩn tối thiểu cho việc bảo vệ những trẻ em bị tước tự do dưới mọi hình thức, bao gồm trẻ em sống trong các cơ sở giam giữ hoặc nhà tù. Các yêu cầu đối với quản lý các cơ sở giam giữ người chưa thành niên như hồ sơ tài liệu; môi trường vật chất và nơi ăn ở; giáo dục đào tạo nghề và việc làm... được quy định rõ ràng và chi tiết;
4. Các hướng dẫn về hành động đối với trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự (UN Economic and Social Council 1997) cung cấp một hướng dẫn về khuôn khổ chung cho việc thực hiện CUQTE và các văn kiện có liên qua đến trẻ em vi phạm pháp luật hoặc trẻ em là nạn nhân hoặc nhân chứng của tội phạm;
5. Các hướng dẫn về những vấn đề tư pháp liên quan đến nạn nhân và nhân chứng của tội phạm là trẻ em (United Nations Economic and Social Council 2005) đưa ra những hướng dẫn thực hành để hỗ trợ các chính phủ trong việc xem xét lại hệ thống pháp luật quốc gia, các cơ chế và những vấn đề liên quan cần thiết để tôn trọng đầy đủ các quyền của trẻ em là nạn nhân hoặc nhân chứng của tội phạm;
6. Nghị định thư không bắt buộc của CUQTE về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em (United Nations 2000) quy định cụ thể các biện pháp mà mỗi quốc gia thành viên nên tiến hành để bảo vệ trẻ em khỏi bị mua bán, các hoạt động mại dâm và khiêu dâm;
7. Các bình luận chung số 10 và số 12 của Ủy ban quyền trẻ em (UN Committee on the Rights of the Child 2007; 2009) đưa ra những hướng dẫn thực hiện và lưu ý đối với việc thực thi CUQTE liên quan đến tư pháp người chưa thành niên, và quyền tham gia của trẻ em trong đó bao gồm tham gia các hoạt động tư pháp.

Những văn kiện pháp lý nêu trên có cùng đặc điểm là chuyên dành cho bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp; nhưng đề cập đến những khía cạnh khác nhau, có mức độ phổ biến và ảnh hưởng khác nhau. Quy tắc Bắc Kinh, hướng dẫn Riyadh và Quy tắc Havana phổ biến hơn và thường xuyên được viện dẫn trong các thảo luận về quyền của trẻ em vi phạm pháp luật hoặc trẻ em thuộc nhóm có nguy cơ cao. Ba văn kiện này được xem là các tiêu chuẩn và quy định của Liên hợp quốc về tư pháp người chưa thành niên (UN Economic and Social Council 1997: đoạn 3). Trong khi đó, Hướng dẫn về các vấn đề tư pháp liên quan đến trẻ em là nạn nhân và nhân chứng của tội phạm sẽ là không thể thiếu khi bàn đến quyền của trẻ em là nạn nhân hoặc nhân chứng. Và Hướng dẫn hành động đối với trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự thì cung cấp những khuôn khổ chung cho các hoạt động tư pháp liên quan đến cả hai nhóm, trẻ em vi phạm pháp luật, và trẻ em là nạn nhân và nhân chứng của tội phạm.

Mặc dù tồn tại những sự khác biệt, song các văn kiện pháp lý nêu trên có mối quan hệ tương trợ và phụ thuộc, cùng nhau tạo nên những khuôn khổ và chuẩn mực cho việc bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp. CUQTE có hiệu lực pháp lý bắt buộc, tạo ra những trách nhiệm chính thức đối với 193 quốc gia. Trong khi đó các văn kiện khác lại cung cấp những hướng dẫn, cụ thể hóa hoặc bổ sung cho Công ước về khía cạnh quyền của trẻ em trong lĩnh vực tư pháp và có giá trị bắt buộc về mặt đạo đức không thể phủ nhận. Trên thực tế, cùng với CUQTE, các quy tắc và hướng dẫn nêu trên luôn được viện dẫn như những tiêu chuẩn pháp lý toàn cầu bởi Ủy ban Quyền trẻ em khi xem xét, đánh giá báo cáo của các quốc gia thành viên; hoặc trong những cuốn sách cẩm nang, hướng dẫn thực hành CUQTE được giới thiệu bởi các tổ chức quốc tế uy tín hoạt động trong lĩnh vực liên quan như Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF, Văn phòng Liên hợp quốc về Tội phạm và Ma túy UNODC, Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển Save of Children, Tổ chức Bảo vệ trẻ em quốc tế...

Ngoài những văn kiện pháp lý chuyên dành cho trẻ em, có nhiều các công ước quốc tế khác về quyền con người cũng có thể được viện dẫn khi xem xét các vấn đề về quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp. Điều này có thể được giải thích bởi trẻ em cũng là chủ thể của quyền con người nói chung; mỗi công ước về quyền con người thường có những quy định đặc biệt dành cho trẻ em. Những văn kiện loại này bao gồm các công ước và tuyên bố được liệt kê dưới đây:

- Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền (United Nations 1948);
- Các quy tắc về tiêu chuẩn tối thiểu trong việc đối xử với tù nhân (United Nations 1955);
- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (United Nations 1966a);
- Công ước chống tra tấn và đối xử hoặc hình phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc làm hèn hạ (United Nations 1984);
- Tuyên bố của Liên hợp quốc về các nguyên tắc cơ bản của tư pháp đối với nạn nhân của tội phạm hoặc sự lạm dụng quyền lực (United Nations 1985b);
- Các quy tắc về tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ, gọi tắt là quy tắc Tokyo (United Nations 1990);
- Các nguyên lý cơ bản trong việc áp dụng các chương trình tư pháp phục hồi trong các vấn đề hình sự (United Nations Economic and Social Council 2002).

Những công ước quốc tế không chuyên dành cho trẻ em nêu trên mặc dù không đặc biệt liên quan như những văn kiện chuyên dùng cho trẻ em nhưng có những đóng góp trong việc làm sáng tỏ những vấn đề nhất định về quyền của trẻ em trong lĩnh vực tư pháp.

## **II. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CUQTE CỦA VIỆT NAM**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt là Việt Nam) ký kết và phê chuẩn toàn bộ CUQTE lần lượt vào các ngày 26/01/1990 và 20/02/1990, không bảo lưu bất kỳ điều khoản nào, trở thành nước đầu tiên ở Châu Á và thứ 2 trên thế giới chấp nhận Công ước. Tiếp đó, vào năm 2000 và 2001 Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn hai Nghị định thư không



bắt buộc của CƯQTE về sự tham gia của trẻ em trong các xung đột vũ trang, và về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em. Sau khi phê chuẩn CƯQTE, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực thực hiện trách nhiệm của một quốc gia thành viên. Trong Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Công ước giai đoạn 1993-1998, Việt Nam đã khẳng định việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là chính sách nhất quán của Nhà nước; CƯQTE là một trong những điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người, thực hiện quyền trẻ em là một trong những trọng tâm của quyền con người ở Việt Nam (Vietnam 1999: 66).

Trong lĩnh vực lập pháp, hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quyền của trẻ em cũng như trách nhiệm chăm sóc, giáo dục trẻ em đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung như Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, năm 2004; Luật phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật hình sự, Bộ luật lao động, Luật nuôi con nuôi, Luật phòng, chống mua bán người... Thêm vào đó nhiều chương trình quốc gia thúc đẩy việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em đã được thiết lập như Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 1990 -2000 và 2001-2010; Chương trình bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 1999-2002; Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em 2011-2015; hoặc các chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo; phòng chống mại dâm, ma túy, mua bán phụ nữ và trẻ em...

Về cơ quan chịu trách nhiệm bảo vệ và chăm sóc trẻ em, từ khi trở thành thành viên của CƯQTE, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em luôn được quan tâm, củng cố và hoàn thiện để có thể thực hiện trách nhiệm chăm sóc trẻ em đồng thời phù hợp với những thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước. Ngày 12-9-1991, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam đã thành lập trên cơ sở kế tục chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban thiếu niên nhi đồng Việt Nam được thành lập từ năm 1961. Tiếp đó là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; và hiện nay, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm về bảo vệ và chăm sóc trẻ em (Chinh phu 2007).

Đối với việc thực hiện trách nhiệm pháp lý quốc gia theo Điều 44 của Công ước:

CƯQTE quy định các quốc gia thành viên có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Quyền trẻ em về việc thực hiện Công ước trong thời hạn 02 năm kể từ khi CƯQTE có hiệu lực đối với quốc gia và sau đó cứ 5 năm một lần về những biện pháp đã áp dụng để hiện thực hóa quyền được thừa nhận trong công ước và những tiến độ đã đạt được trong việc hưởng những quyền này

Đến nay, Việt Nam đã nộp báo cáo quốc gia về việc thực thi CƯQTE vào các năm 1993, 1998, 2002<sup>4</sup>, 2008 và 2012<sup>5</sup>; nộp báo cáo về việc thực hiện hai Nghị định thư không bắt buộc của CƯQTE vào năm 2004<sup>6</sup>. Ngoài ra, Việt Nam cũng trả lời nhiều câu hỏi của Ủy ban Quyền trẻ em về những vấn đề mà Ủy ban quan tâm, bao gồm 10 câu hỏi liên quan tới thực hiện Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em trong năm 2006; và 20 câu hỏi và đề nghị cung cấp thông tin về

---

<sup>4</sup> Năm 2002, Việt Nam nộp báo cáo cập nhật tình hình thực hiện CƯQTE thay vì báo cáo định kỳ

<sup>5</sup> Tháng 5/2012 Việt Nam đã nộp CẬP NHẬT BÁO CÁO QUỐC GIA LẦN THỨ 3 VÀ 4 VỀ VIỆT NAM THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ QUYỀN TRẺ EM VÀ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI CỦA ỦY BAN QUYỀN TRẺ EM

<sup>6</sup> Sau lần nộp báo cáo đầu tiên này, các lần báo cáo tiếp theo được thực hiện chung với Báo cáo về việc thực hiện Công ước quyền trẻ em (năm 2008 và 2012).

tình hình thực hiện CUQTE giai đoạn 2008-2011. Trên thực tế, cuộc sống của trẻ em Việt Nam nhìn chung ngày càng được cải thiện trên các phương diện, từ dinh dưỡng, sức khỏe và giáo dục đến vui chơi, giải trí. Những tiến bộ trong việc thực thi CUQTE của Việt Nam đã được Ủy ban Quyền trẻ em và cộng đồng quốc tế thừa nhận. Trong các bình luận tương ứng với các báo cáo quốc gia của Việt Nam, Ủy ban quyền trẻ em đều ghi nhận những tiến bộ đáng kể của Việt Nam trong việc thực thi công ước. Một nghiên cứu gần đây, báo cáo phân tích về tình hình trẻ em Việt Nam 2010 (UNICEF 2011), đã trình bày khá đầy đủ các khía cạnh về đời sống và thực trạng bảo đảm các quyền của trẻ em. Trong đó đã thừa nhận rằng: Việt Nam “đã tiếp tục thể hiện sự lãnh đạo có tầm nhìn cho xấp xỉ 30 triệu trẻ em ...“Việt Nam rõ ràng đã đạt được những tiến bộ cho trẻ em trong thời gian khá ngắn” (UNICEF 2011: 17). Như vậy, có thể khẳng định rằng quyền trẻ em đã và đang được quan tâm thực sự ở Việt Nam, có những tác động tốt lên đời sống chính trị, xã hội ở Việt Nam, như một chuyên gia nghiên cứu về quyền con người đã nhận xét,

Những tiến bộ trong quyền trẻ em được coi như chất xúc tác mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của quyền con người ở Việt Nam (Salazar-Volkman 2004).<sup>7</sup>

Tuy nhiên các nghiên cứu và đánh giá cũng chỉ ra rằng “còn một bộ phận trẻ em và vị thành niên ở Việt Nam tiếp tục sống trong điều kiện chưa được hưởng quyền” (UNICEF 2011: 17); hệ thống văn bản pháp luật về quyền trẻ em được quy định trong nhiều văn bản khác nhau mà đôi khi thiếu tính thống nhất và rõ ràng (UNICEF 2011: 255). Điều này có thể giải thích bởi pháp luật về quyền trẻ em không thể tránh khỏi tình trạng chung của các văn bản pháp luật về quyền con người là “còn chưa đồng bộ, có chỗ còn chồng chéo, mâu thuẫn dẫn tới khó khăn, thậm chí hiểu sai, trong quá trình vận dụng và thực thi pháp luật” như đã được thừa nhận trong Báo cáo quốc gia kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam (2009: 10).

Trong mỗi bình luận về báo cáo quốc gia về việc thực hiện CUQTE của Việt Nam, Ủy ban quyền trẻ em (UN Committee on the Rights of the Child 1993; 2003; 2012) đều đã chỉ ra những hạn chế và đưa ra những khuyến cáo cụ thể như thành lập cơ quan thanh tra độc lập, thu thập đầy đủ các số liệu có liên quan đến trẻ em.... Trong đó có một số nội dung được lặp lại giữa các lần mà cho đến nay dường như vẫn đang còn là một thách thức đối với Việt Nam, bao gồm:

- Tìm kiếm các biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực của cải cách kinh tế, phát triển nền kinh tế thị trường lên các nhóm dễ bị tổn thương;
- Cải cách hệ thống tư pháp người chưa thành niên;
- Tuyên truyền Công ước đến các dân tộc thiểu số.

### **III. CƠ CHẾ BẢO VỆ TRẺ EM TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG ĐIỂM HẠN CHẾ**

---

<sup>7</sup> Xem thêm: Những điểm mở và thách thức cơ bản với phương thức làm chương trình dựa trên cơ sở quyền con người cho phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam của Christian Salazar Volkman do Phạm Duy Trọng dịch, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 2004.

Trước khi trình bày những thông tin cụ thể về cơ chế bảo vệ trẻ em trong lĩnh vực tư pháp, chúng tôi lưu ý rằng, trong hệ thống pháp luật Việt Nam tồn tại đồng thời thuật ngữ “trẻ em” và “người chưa thành niên” khi ngụ ý tới những người chưa hoàn toàn trưởng thành.

- Điều 1 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nêu rằng “Trẻ em quy định trong luật này là công dân Việt Nam dưới mười sáu tuổi”;
- Điều 18 Bộ luật dân sự quy định: “Người từ đủ 18 tuổi trở lên là người thành niên. Người chưa đủ mười tám tuổi là người chưa thành niên”.

Từ 02 điều luật được trích dẫn trên có thể thấy rằng giới hạn về độ tuổi của người chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam gần tương đồng với định nghĩa về trẻ em trong CƯQTE:

- Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng đối với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn (United Nations 1989: Điều 1)

Điểm khác biệt trong định nghĩa trẻ em theo pháp luật Việt Nam đặc biệt khác với Công ước là khi kết thúc độ tuổi trẻ em thì một người không phải là người trưởng thành mà vẫn là người chưa thành niên trong 02 năm tiếp theo cho đến khi họ đủ 18 tuổi. Hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam hiện nay chưa có một thuật ngữ nào để phân biệt rõ ràng thời kỳ giữa trẻ em và người thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.<sup>8</sup>

Khảo sát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho thấy các quy định về trẻ em và người chưa thành niên được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật. Tuy nhiên có thể khái quát rằng, thuật ngữ ‘trẻ em’ thường được dùng trong khi đề cập đến những vấn đề phúc lợi nói chung, trẻ em là một đối tượng cần được chăm sóc, bảo vệ đặc biệt, như Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Bộ luật hình sự; các chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em; phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em. Trong khi đó ‘người chưa thành niên’ thường được dùng khi đề cập đến trách nhiệm pháp lý của chủ thể trước pháp luật, trong đó xác định các quyền, nghĩa vụ và cách thức thực hiện trong các quan hệ pháp luật cụ thể như Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính<sup>9</sup>...

Việc giải quyết các vụ án hành chính, dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình (gọi chung là các vụ án phi hình sự) được thực hiện bởi Tòa án theo thủ tục tố tụng hành chính hoặc tố tụng dân sự (gọi chung là tố tụng phi hình sự). Trong các vụ án phi hình sự, trẻ em có thể liên quan, là người người tham gia tố tụng với các vai trò người khởi kiện, nguyên đơn dân

---

<sup>8</sup> Trong pháp luật Việt Nam còn có một thuật ngữ có thể dùng để nói đến giai đoạn phát triển của con người là thanh niên. Điều 1 Luật thanh niên 2005 định nghĩa: Thanh niên quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ mười sáu tuổi đến ba mươi tuổi.

<sup>9</sup> Trong Bộ luật hình sự, cả hai thuật ngữ “trẻ em” và “người chưa thành niên” đều được sử dụng khá phổ biến, trong đó “trẻ em” thường được sử dụng trong trường hợp là đối tượng tác động của tội phạm, người bị hại; còn “người chưa thành niên” là người thực hiện hành vi vi phạm, phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cũng có một số tội phạm trong đó người chưa thành niên được xem như là đối tượng bảo vệ của pháp luật hình sự, như Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên phạm pháp (Điều 252), Tội mua dâm người chưa thành niên (Điều 256); tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Xúi giục người chưa thành niên phạm tội (các Điều 48/1/m, 117/2/c, 116/2/c) và phạm tội đối với người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi (các Điều 111/4 và 113/4).

sự, bị đơn dân sự hoặc người liên quan. Tuy nhiên, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ được thực hiện bởi cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật. Điều này có nghĩa là trẻ em có liên quan trong các vụ án phi hình sự có thể không cần phải trực tiếp tiếp xúc với các cơ quan tiến hành tố tụng, và không bao giờ bị áp dụng các biện pháp hạn chế tự do. Nói cách khác, từ quan điểm về việc thực thi CUQTE trong lĩnh vực tư pháp vị thành niên, các thủ tục tố tụng của các vụ án phi hình sự không là căn cứ làm ảnh hưởng đáng kể tới các quyền của trẻ em.

Khác với các vụ án dân sự, các vụ án hình sự có thể tác động nghiêm trọng đến các quyền của trẻ em theo quy định của công ước cũng như các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan trong lĩnh vực tư pháp đã được đề cập trong phần I.

Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định mọi tội phạm, hình phạt trong Bộ luật hình sự (BLHS), “chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự” (Điều 2 BLHS). Và Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) quy định trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án hình sự (Điều 1 BLTTHS)(Quốc hội 2003: Điều 1). Hai bộ luật này là căn cứ pháp lý chủ yếu để giải quyết các vụ án hình sự cũng như bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự, bao gồm các quyền của người chưa thành niên phạm tội, quyền của trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của tội phạm. Cả hai bộ luật đều dành một chương riêng để quy định về việc áp dụng bộ luật với người chưa thành niên phạm tội, và có một số quy định về việc bảo vệ quyền lợi cho đương sự là người chưa thành niên, lấy lời khai của người làm chứng là người chưa thành niên.

Về nguyên tắc, khi bị liên quan đến một vụ án hình sự, người chưa thành niên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tư cách tố tụng của họ trong vụ án, có thể là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hay người bị hại, người làm chứng hoặc nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời có những quy định có lợi hơn so với người đã thành niên được áp dụng với họ.

So sánh các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, bao gồm Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn liên quan với các quy định của CUQTE và các bộ quy tắc, hướng dẫn về tư pháp người chưa thành niên có thể nhận xét rằng:

Pháp luật hình sự Việt Nam, cơ bản đã đáp ứng các yêu cầu của Công ước về những phương diện sau:

- Không xử phạt tử hình hoặc tù chung thân đối với người chưa thành niên phạm tội (Điều 69/5 BLHS);
- Quy định “việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội” (Điều 69/1 BLHS);
- Quy định độ tuổi tối thiểu của trách nhiệm hình sự:

Điều 12 Bộ luật hình sự quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

- Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Như vậy, độ tuổi tối thiểu của trách nhiệm hình sự là đủ 14, trẻ em dưới 14 tuổi được coi là không có khả năng vi phạm pháp luật hình sự. Quy định này là hoàn toàn phù hợp với các hướng dẫn của Quy tắc Bắc Kinh, và khuyến cáo Ủy ban quyền trẻ em tại Bình luận chung số 10;<sup>10</sup>

- Quy định chế tài hình sự áp dụng với người chưa thành niên nhẹ hơn mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng (các Điều: 69, 72 – 77 BLHS);
- Quy định việc trợ giúp pháp lý (bào chữa) đối với người chưa thành niên bị tạm giữ, bị khởi tố, truy tố, xét xử về hình sự (Điều 305 BLTTHS);
- Quy định việc tham gia của gia đình, nhà trường và tổ chức trong các vụ án có bị can, bị cáo là người chưa thành niên;
- Quy định về thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên (Điều 307 BLTTHS);
- Quy định việc bắt, giam giữ người phải tuân theo các quy định của pháp luật; Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình đối với tất cả mọi người trong đó bao gồm trẻ em, người chưa thành niên (Điều 6 BLTTHS);
- Quy định quyền kháng cáo, khiếu nại, quyền đối chất của những người tham gia tố tụng trong đó bao gồm người chưa thành niên;

Đặc biệt, Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12-7-2011 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH) đã đưa ra những hướng dẫn thực hành, cụ thể hơn cho quá trình giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến người chưa thành niên. Hướng dẫn này không ngừng nhấn mạnh việc bảo đảm tôn trọng quyền của người chưa thành niên trong quá trình tố tụng; giữ bí mật thông tin cá nhân của người chưa thành niên; giải quyết nhanh chóng, kịp thời; người tiến hành tố tụng có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên; xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho người chưa thành niên phạm tội, giao họ cho gia đình, cơ quan, tổ chức giám sát để giúp họ tự sửa chữa, tái hòa nhập cộng đồng.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành vẫn còn nhiều hạn chế so với CƯQTE và văn kiện pháp lý quốc tế liên quan về tư pháp người chưa thành niên. Những điểm bất cập và các khuyến nghị sửa đổi của Bộ luật hình sự và tố tụng hình sự để hài hòa với các khuôn khổ và chuẩn mực pháp lý đã được đề cập khá đầy đủ và chi tiết trong các nghiên cứu được công bố trong thời gian gần đây, bao gồm:

---

<sup>10</sup> Trong Bình luận chung số 10 độ tuổi tối thiểu của trách nhiệm hình sự được khuyến nghị là không thấp hơn 12 (Đoạn 33)

- Báo cáo đánh giá các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên và thực tiễn thi hành (Bo Tu phap & UNICEF Vietnam 2012b);
- Báo cáo đánh giá pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật (Bo Tu phap & UNICEF Vietnam 2012a)
- Báo cáo đánh giá các điều khoản của Bộ luật tố tụng hình sự 1999 về người chưa thành niên vi phạm pháp luật và người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên (Children's Legal Centre 2010).

Không chỉ có những thiếu sót trong hệ thống các quy phạm pháp luật, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực hình sự vẫn còn nhiều những tồn tại, vướng mắc, đặc biệt là những quy định có tính ưu tiên đối với người chưa thành niên. Về việc thực hiện các quy định “đặc quyền” của người chưa thành niên gồm quyền bào chữa; sự tham gia của cha mẹ, người giám hộ; và thành phần hội đồng xét xử của những vụ án có người chưa thành niên, có những ý kiến cho rằng:

- “có một nguy cơ rất cao là cơ quan tiến hành tố tụng khuyến người chưa thành niên vi phạm pháp luật hoặc gia đình họ từ chối quyền có luật sư bào chữa hoặc chỉ định người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên làm người bào chữa” (Children's Legal Centre 2010: 44);
- “có trường hợp Cơ quan điều tra mời luật sư và người giám hộ tham gia việc lấy lời khai nhưng là sau khi các em đã được lấy lời khai và luật sư và người giám hộ chỉ ký vào bản cung để hợp thức, thậm chí có trường hợp không mời” (Phan 2012: 179)
- “có vị luật sư bào chữa thậm chí không đọc hồ sơ vụ án và tham gia phiên xét xử mà từ đầu đến cuối không nói một câu nào” (Children's Legal Centre 2010: 44);
- “ở nước ta chưa có đội ngũ những người tiến hành tố tụng chuyên xử lý các trường hợp người chưa thành niên”; toàn ngành Tòa án không có bất kỳ Thẩm phán nào chuyên xét xử các vụ án người chưa thành niên; (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam 2012: 40);
- Thông thường không có sự phân biệt khi giải quyết những vụ án mà người phạm tội là người chưa thành niên với những vụ do người đã thành niên thực hiện; “trong Hội đồng xét xử chỉ có một hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ đoàn là mang tính hình thức; thủ tục phiên tòa không có gì khác biệt so với các vụ án khác” (Tran 2012: 120).

Một vấn đề đáng lưu ý nữa là thực trạng bảo vệ quyền riêng tư của người chưa thành niên. Bộ luật tố tụng hình sự quy định tòa án có thể quyết định xét xử kín các vụ án người chưa thành niên phạm tội (Điều 307). Điều này có thể được hiểu như một bước tiến gần với quy định của CUQTE (Điều 16 và Điều 40/2/b/vii) và Quy tắc Bắc Kinh (quy tắc 8) về việc bảo vệ sự riêng tư, giảm thiểu sự bêu riếu, cái có thể gây tai hại suốt cuộc đời cho trẻ em. Tuy nhiên, “thực tế xét xử của Tòa án nước ta phổ biến là công khai, kể cả những vụ án hiếp dâm mà bị cáo và người bị hại đều là người chưa thành niên... Công chúng và phóng viên báo chí được tự do vào dự, viết bài, đưa tin nói rõ danh tính của bị cáo là người chưa thành niên” (Le 2012: 147). Hơn thế, việc xét xử lưu động các vụ án hình sự, trong đó có các vụ án liên quan đến người chưa thành niên đang được xem như một cách thức của việc

tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trong 4 năm từ 2007 đến 2011 các tòa án đã xét xử sơ thẩm lưu động số các vụ án người chưa thành niên phạm tội lần lượt là 207, 196, 158, 118 và 165 vụ. Số các vụ án này chiếm khoảng 5%-7% tổng số các vụ án có người chưa thành niên phạm tội. Quan niệm cũng như cách thức tiến hành các vụ án xét xử lưu động đối với người chưa thành niên phạm tội này hoàn toàn trái ngược với yêu cầu của CƯQTE và các văn kiện pháp lý quốc tế liên quan về tư pháp người chưa thành niên trong việc bảo vệ các thông tin cá nhân của trẻ em, đặc biệt là các thông tin liên quan đến hệ thống tư pháp, cái có thể gây “vết nhơ khó tẩy rửa”, ảnh hưởng xấu đối với tâm lý và việc sửa chữa sai lầm của mỗi đứa trẻ.

Năm	Số các vụ án có người chưa thành niên phạm tội và Số người chưa thành niên phạm tội mà tòa án đã xét xử giai đoạn 2007 – 2011		
	Số vụ án có NCTNPT tòa án đã xét xử		Số người chưa thành niên phạm tội
	Tổng số vụ	Số vụ án điểm hoặc xét xử lưu động	
2007	2689	207	3747
2008	2744	196	3900
2009	2722	158	3710
2010	2582	118	3418
2011	2355	165	3243

Từ những dẫn chứng nêu trên có thể thấy rằng mặc dù pháp luật quốc gia đã có những quy định nhằm bảo đảm các quyền của trẻ em theo CƯQTE nhưng việc hiện thực hóa các quy định này trong thực tế còn một khoảng cách rõ nét. Nói cách khác, trong một chừng mực nào đó, các quy định về bảo vệ người chưa thành niên trong tư pháp còn mang tính hình thức.

Một vấn đề nữa cần đề cập là hệ thống thông tin về số liệu thống kê liên quan đến trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em nói chung, đặc biệt là và các thông tin liên quan đến trẻ em/ người chưa thành niên trong lĩnh vực tư pháp còn rất hạn chế. Hiện nay, các thông tin về trẻ em là người bị hại, nhân chứng của tội phạm, về số người chưa thành niên bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn trước khi xét xử, bao gồm cả các biện pháp tước tự do (tạm giữ,

tạm giam) không được thu thập và thống kê đầy đủ. Các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều có thẩm quyền và thường xuyên áp dụng các biện pháp ngăn chặn khi giải quyết các vụ án người chưa thành niên phạm tội, nhưng không có cơ quan nào có số liệu thống kê đầy đủ về các trường hợp họ đã áp dụng. Với thực trạng này, thật khó để có thể đưa ra một nhận định xác đáng về tình hình áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với các tội phạm chưa thành niên, tình hình trẻ em là nạn nhân hay nhân chứng của tội phạm. Và do đó, việc xây dựng các chương trình cụ thể để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ quyền của các trẻ em, đặc biệt là bị tước tự do theo Quy tắc Havana, bảo vệ trẻ em là người bị hại theo các tiêu chuẩn quốc tế liên quan sẽ rất khó khăn.

Những yếu kém trong việc thu thập và lưu trữ thông tin liên quan đến trẻ em không ngừng được lặp lại trong các nhận xét của Ủy ban Quyền trẻ em về việc thực hiện Công ước và các Nghị định thư không bắt buộc của CUQTE, cũng như các nghiên cứu liên quan đến quyền trẻ em ở Việt Nam.

**“Cần cải thiện chất lượng, độ tin cậy, tính chính xác và sự am hiểu về số liệu, bằng chứng và các chỉ số liên quan đến quyền trẻ em: số liệu vẫn là một thách thức trong nhiều ngành. Cần cải thiện một cách căn bản hệ thống quản lý dữ liệu báo cáo định kỳ ở các Bộ ngành có liên quan, từ cấp địa phương tới cấp trung ương, và hỗ trợ việc sử dụng các dữ liệu và bằng chứng trong việc hoạch định chính sách. Đây cũng là khuyến nghị chính của Ủy ban CRC” (UNICEF 2011: 297).**<sup>11</sup>

Tóm lại, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CUQTE và các khuôn khổ, chuẩn mực quốc tế liên quan. Lĩnh vực tư pháp liên quan đến người chưa thành niên luôn là vấn đề nổi cộm nhất trong các câu hỏi và khuyến nghị của Ủy ban Quyền trẻ em đối với Việt Nam trong việc thực hiện CUQTE và Nghị định thư không bắt buộc của CUQTE về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em. Trong Bình luận về Báo cáo quốc gia của Việt Nam về việc thực hiện Công ước quyền trẻ em lần 2 giai đoạn 1997-2002, liên quan đến tư pháp người chưa thành niên, Ủy ban Quyền trẻ em (2003) đã khuyến nghị Việt Nam cần:

- a) Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chuẩn mực về tư pháp người chưa thành niên đặc biệt là các Điều 37, 40 và 39 của Công ước, cũng như quy tắc Bắc Kinh, Hướng dẫn Riyadh theo tinh thần phiên thảo luận toàn thể về quản lý tư pháp người chưa thành niên năm 1995 của Ủy ban;
- b) Xem xét xây dựng một bộ luật riêng về tư pháp người chưa thành niên và một hệ thống tòa án dành riêng cho người chưa thành niên;
- c) Cải thiện điều kiện trong các cơ sở giam giữ người chưa thành niên và bảo đảm việc tước tự do chỉ được sử dụng như biện pháp cuối cùng khi không còn cách nào khác;
- d) Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ phục hồi và tái hòa nhập người chưa thành niên và tăng cường số lượng cán bộ xã hội tham gia cung cấp các dịch vụ đó cho người chưa thành niên phạm tội;

---

<sup>11</sup> Trong trích dẫn này, Ủy ban CRC chính là Ủy ban Quyền trẻ em



- e) Đảm bảo tất cả các trẻ em phạm tội vi phạm pháp luật đều nhận được tư vấn pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác;
- f) Yêu cầu được hỗ trợ kỹ thuật về vấn đề này từ các cơ quan như văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về Quyền con người và các thành viên của Ban điều phối của Liên hợp quốc về Tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên.

Các bình luận và khuyến nghị nêu trên lại liên tục được nhắc lại vào tháng 6/2012 khi Ủy ban quyền trẻ em xem xét báo cáo cập nhật tình hình thực thi Công ước quyền trẻ em của Việt Nam giai đoạn 2008-2011. Ủy ban đã cho rằng các khuyến nghị trước đây chưa được giải quyết triệt để, vẫn còn thiếu một hệ thống tư pháp toàn diện cho người chưa thành niên; thiếu các biện pháp thay thế cho việc giam giữ và thiếu các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng (UN Committee on the Rights of the Child 2012: đoạn 72).

Những nghiên cứu gần đây cũng đã chỉ ra một số hạn chế của công tác bảo vệ trẻ em trong lĩnh vực tư pháp:

“So với hệ thống áp dụng tại các quốc gia khác trong khu vực, hệ thống tư pháp người chưa thành niên ở Việt Nam vẫn chủ yếu mang tính trừng phạt... Việt Nam có thể học hỏi từ kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực đã áp dụng các chương trình phòng ngừa và chuyển hướng tại cộng đồng thay cho các biện pháp có tính chất trừng phạt và tòa án dành riêng cho trẻ em trong đó có áp dụng quy trình xử lý phù hợp với trẻ em dù với tư cách là người phạm tội, nạn nhân hay nhân chứng” (UNICEF 2011: 234);

Hệ thống xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật của Việt Nam chưa đáp ứng các yêu cầu của các chuẩn mực pháp lý quốc tế (Bộ Tư pháp & UNICEF Vietnam 2012b);

Các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự về người chưa thành niên vi phạm pháp luật, người bị hại, người làm chứng là trẻ em chưa hài hòa với các quy định tương ứng của CƯQTE và các văn kiện pháp luật quốc tế liên quan (Children's Legal Centre 2010; Bộ Tư pháp & UNICEF Việt Nam 2012);

Thực tiễn xét xử các vụ án có bị cáo là người chưa thành niên; có người bị hại, người làm chứng là trẻ em còn gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc do một số quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự chưa rõ ràng; cách thức tổ chức và thực hiện các phiên tòa đôi khi chưa thực sự phù hợp; nhiều trường hợp người tiến hành tố tụng không có đủ những hiểu biết cần thiết về tâm lý người chưa thành niên; luật sư tham gia tố tụng chưa thực hiện hết trách nhiệm (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam 2012: 39 - 44).

Các nghiên cứu nêu trên cũng đưa ra những khuyến nghị đối với việc các sửa đổi một số quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự, thành lập Tòa án người chưa thành niên để có thể đáp ứng các yêu cầu của các chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp người chưa thành niên. Trong Báo cáo Tổng quan của Tòa án nhân dân tối cao (Viện khoa học xét xử) và UNICEF đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết thành lập tòa án chuyên trách để giải

quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên. Theo báo cáo này việc thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên sẽ góp phần giải quyết những hạn chế trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên ở Việt Nam hiện nay (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam 2012: 108). Vậy liệu rằng việc thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên có khả thi trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện hành của Việt Nam? Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số vấn đề có thể gặp phải khi thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên.

#### **IV. MỘT SỐ KHÓ KHĂN KHI THÀNH LẬP TÒA ÁN CHUYÊN TRÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

Không thể phủ nhận rằng việc thành lập một hệ thống tòa án chuyên trách để giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên đặc biệt là các vụ án người chưa thành niên phạm tội là hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu của chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp người chưa thành niên. CUQTE (Điều 40) yêu cầu các quốc gia thành viên xúc tiến việc thành lập các cơ quan chuyên trách giải quyết vấn đề trẻ em vi phạm pháp luật hình sự. Điều này được nhắc lại trong Bình luận chung số 10 của Ủy ban quyền trẻ em. Và đặc biệt, đối với Việt Nam, trong Kết luận về việc thực hiện CUQTE, Ủy ban quyền trẻ em (2003; 2012) đã khuyến nghị rõ ràng Việt Nam cần xem xét xây dựng một bộ luật riêng về tư pháp người chưa thành niên và một hệ thống tòa án dành riêng cho người chưa thành niên.

Tuy nhiên phải khẳng định rằng để Tòa án chuyên trách được thành lập và hoạt động hiệu quả là một công việc hết sức khó khăn, đòi hỏi sự đầu tư thích đáng về nhiều phương diện. Trước hết là nghiên cứu khả thi về tổ chức và thẩm quyền của Tòa án, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực để có thể thành lập tòa án, những yêu cầu đối với các thiết chế liên quan để tòa án có thể hoạt động đồng bộ, hiệu quả. Tiếp đến là các quy định của pháp luật cần sửa đổi bổ sung phù hợp, bao gồm sửa đổi các quy định của pháp luật về tổ chức tòa án, về hình sự và tố tụng hình sự và các lĩnh vực có liên quan khác. Dưới đây, tôi chỉ đề cập tới 3 nội dung với những ý tưởng còn đơn giản nhất với mục đích đóng góp ý kiến cho đề án thành lập tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên.

##### ***Về tổ chức và thẩm quyền***

Mô hình Tổ chức và thẩm quyền của Tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên nên như thế nào, hiện nay còn nhiều tranh luận. Điều này được thấy rõ qua 9 chuyên đề tham vấn trong Báo cáo tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn của sự cần thiết thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên ở Việt Nam (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam 2012), gọi tắt là Báo cáo tổng quan. Đối với mô hình Tòa án gia đình và người chưa thành niên được đề xuất thành lập để giải quyết tất cả các vụ án liên quan đến người chưa thành niên cả về dân sự, và hình sự, hôn nhân và gia đình, chúng tôi cho rằng không thực sự khả thi trong điều kiện của Việt Nam hiện nay. Bởi lẽ, chỉ riêng về nguồn nhân lực, để Tòa án có thể hoạt động đạt hiệu quả như mong đợi, người tiến hành tố tụng, đặc biệt là các Thẩm phán phải có đủ năng lực để giải quyết tất cả các loại án hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình, đồng thời có kiến thức khoa học giáo dục và kinh nghiệm về tâm sinh lý người chưa thành niên. Những yêu cầu này dường như là “quá sức” đối với các cán bộ ngành tòa án nói chung. Thực tế số lượng văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình là rất lớn; các yêu cầu đối với kỹ

năng giải quyết các vụ án thuộc mỗi chuyên ngành là khác nhau. Đặc biệt, “chuyên môn hóa” là xu hướng chung của ngành tòa án. Các tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao được tổ chức theo lĩnh vực (hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế và lao động) và cán bộ thuộc đơn vị nào thì giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tương ứng. Ở cấp huyện, không có các đơn vị chuyên trách, nhưng thẩm phán thường được phân công công việc theo chuyên môn và kinh nghiệm, một số thẩm phán chuyên xét xử hình sự và một số chuyên xét xử về dân sự (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam Pham 2012: 128; 2012: 48). Thêm vào đó, chỉ với yêu cầu đối với người tiến hành tố tụng các vụ án người chưa thành niên phạm tội phải có kiến thức khoa học giáo dục, am hiểu tâm sinh lý người chưa thành niên đã được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự có hiệu lực đã gần 25 năm<sup>12</sup> nhưng đến nay việc thực hiện quy định này vẫn bị coi là nặng tính hình thức. Như vậy, giả định rằng cứ thành lập tòa án sau đó sẽ tập huấn, bồi dưỡng cho các cán bộ Tòa án để đạt các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng giải quyết các vụ án sẽ là thiếu căn cứ xác đáng. Trường hợp nếu vẫn cứ kiên quyết thành lập thì nhiều khả năng hiệu quả giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên sẽ “chẳng khác gì như hiện nay” như nhận định của Tiến sỹ Phạm Quý Ty (2012: 128). Điều này có nghĩa là việc thành lập Tòa án người chưa thành niên thiếu những nền tảng cần thiết và khó có thể đạt được những mục tiêu đặt ra.

Từ phương diện để thực hiện tốt hơn việc bảo vệ các quyền của trẻ em trong điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội hiện hành<sup>13</sup> của Việt Nam, chúng tôi cho rằng Tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên chỉ nên giải quyết các vụ án hình sự mà trọng tâm là các vụ án có người phạm tội là người chưa thành niên. Thẩm quyền cụ thể của Tòa án chuyên trách trong những trường hợp vụ án có nhiều người, có cả người phạm tội đã thành niên và chưa thành niên hoặc vụ án có người bị hại, nhân chứng là trẻ em... cần được nghiên cứu chi tiết hơn trong mối liên hệ cụ thể của các điều kiện của cải cách tư pháp, nguồn nhân lực và tài chính có thể đầu tư, đảm bảo tính khả thi, sau khi được thành lập tòa án này có thể hoạt động đạt hiệu quả như dự kiến. Tuy nhiên, nếu tòa án chuyên trách được thành lập với thẩm quyền chỉ để giải quyết những vụ án người chưa thành niên phạm tội, thì các vụ án có trẻ em là người bị hại hoặc nhân chứng của tội phạm cũng cần được cải thiện theo các quy định của CUQTE (Điều 39), Hướng dẫn hành động đối với trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự, Hướng dẫn về những vấn đề tư pháp liên quan đến nạn nhân và nhân chứng của tội phạm là trẻ em, và các văn kiện pháp lý có liên quan khác.

### ***Về cơ sở hạ tầng và phương tiện hỗ trợ***

Cho dù mô hình Tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên là dạng nào, độc lập hay là một bộ phận thuộc tòa án nhân dân thì cũng cần được cung cấp cơ sở hạ tầng bao gồm trụ sở và các phương tiện hỗ trợ. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế, xã hội của nước ta hiện nay, sẽ là hết sức khó khăn nếu phải xây mới toàn bộ các cơ sở hạ tầng cho các hoạt động tư pháp vị thành niên. Vì vậy, cơ sở hạ tầng cho Tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên có thể vẫn là những phòng làm việc trong các tòa án hiện nay nhưng cần phải có

---

<sup>12</sup> Chỉ tính từ khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988.

<sup>13</sup> Thực hiện trách nhiệm pháp lý quốc gia trong điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa hiện hành của quốc gia thành viên thường được quy định rõ ràng trong các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người, bao gồm quyền trẻ em trong lĩnh vực tư pháp, ví dụ: quy tắc 5 của Bộ quy tắc Bắc Kinh, hướng dẫn số 8 của Bộ hướng dẫn Riyadh.

những thay đổi cần thiết để có đáp ứng các yêu cầu và chuẩn mực quốc tế về tư pháp người chưa thành niên. Cụ thể là cần lưu ý tới những cơ sở vật chất cho phòng xét xử thân thiện, phòng chờ trong những trường hợp cần cách ly người chưa thành niên với người thành niên phạm tội, cách ly người bị hại, người làm chứng với bị cáo; các máy móc thiết bị cho việc ghi âm, ghi hình để hạn chế số lần tiếp xúc của người hại, người làm chứng là trẻ em với bị can, bị cáo... Sẽ là đơn giản nếu hiểu phiên tòa thân thiện như một số ý kiến được đề cập trong Báo cáo tổng quan:

Nên có phiên tòa thân thiện cho người chưa thành niên, có thể không có vành móng ngựa mà bố trí như một phòng họp, có thể để bàn ghế thấp hơn một chút kể cả cách sắp xếp. Hội đồng xét xử có thể ngồi gần hơn như vậy tạo được cảm giác thân thiện với trẻ. Về cơ sở vật chất thì không có riêng mà chỉ chọn ra ngày xét xử cho người chưa thành niên, sau đó di chuyển lại, sắp xếp lại đồ vật trong phòng (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam 2012: 81).

Chúng tôi cho rằng cần phải tính đến cả các yếu tố như không gian bên ngoài và kiến trúc của trụ sở, phòng xét xử của nhiều tòa án đã có vẻ tôn nghiêm/ không thân thiện, nhiều vụ án có thể được xét xử trong cùng một ngày dù ở các phòng xử riêng biệt, người chưa thành niên có thể nhìn thấy lực lượng dẫn giải đông đảo trong các vụ án khác.

### ***Yêu cầu của việc cải thiện các thiết chế liên quan***

Như đã được khẳng định rõ ràng trong Báo cáo tổng quan (trang 109), một trong những mục tiêu chính của việc thành lập tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên là “phải bảo đảm thúc đẩy và phát triển các hoạt động bảo vệ người chưa thành niên”, đặc biệt là người chưa thành niên vi phạm pháp luật và người chưa thành niên bị xâm hại. Để thực hiện được mục tiêu này không chỉ đòi hỏi tổ chức và hoạt động hiệu quả của Tòa án chuyên trách mà phải có sự cải tiến, phát triển đồng bộ của các thiết chế liên quan. Các nghiên cứu về công tác tư pháp người chưa thành niên đã chỉ ra rằng:

Tư pháp người chưa thành niên không phải là một hệ thống mà là những hệ thống đan xen nhau, bao gồm cảnh sát, các cơ quan tư pháp, nhà tù, các chương trình phục hồi và những người hỗ trợ (cán bộ làm công tác xã hội, các nhà tâm lý học, các luật sư...) đều có hệ thống riêng (To chuc Bao ve tre em quoc te 2002: 14).

Từ các quy định của pháp luật quốc gia và thực tiễn ở Việt Nam cũng có thể thấy rõ ràng, Tòa án với chức năng xét xử chỉ là bộ phận của quá trình tố tụng hình sự, hiệu quả hoạt động của Tòa án phụ thuộc và ảnh hưởng đến các thể chế có liên quan. Ví dụ:

Vụ án liên quan đến người chưa thành niên không thể được giải quyết nhanh chóng và chính xác nếu các cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không tiến hành điều tra và truy tố nhanh chóng và đúng luật pháp; nếu luật sư bào chữa cho người phạm tội chưa thành niên không thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghề nghiệp; nếu người bị hại là trẻ em không được trợ giúp xã hội thích hợp;

Cách thức tổ chức phiên tòa, kết quả xét xử của Tòa án dù hoàn toàn phù hợp, nhưng nếu thiếu sự đồng bộ, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan thi hành án; không có sự giúp

đỡ, hỗ trợ của các tổ chức liên quan cho người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng thì mục đích của hoạt động xét xử và của cả quá trình tố tụng là không đạt được.

## **V. DỰ ĐOÁN NHỮNG HIỆU ỨNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP TÒA ÁN NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN Ở VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC THI TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ QUỐC GIA THEO CÔNG ƯỚC QUYỀN TRẺ EM**

Xuyên suốt toàn bộ Báo cáo tổng quan, có thể thấy mục tiêu chính yếu và quan trọng nhất của việc thành lập tòa án là để bảo đảm “những giá trị tốt nhất cho người chưa thành niên”. Đây chính là cốt lõi tinh thần và mục tiêu của CUQTE, các nghị định thư không bắt buộc của Công ước và các văn kiện pháp luật quốc tế có liên quan về quyền trẻ em, trong đó bao gồm Quy tắc Bắc Kinh, Hướng dẫn Riyadh, quy tắc Havana và Hướng dẫn về những vấn đề tư pháp liên quan đến nạn nhân và nhân chứng của tội phạm là trẻ em.

Các tiêu chí cần được quan tâm khi xây dựng tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên được tuyên bố rõ ràng:

“- Khi xử lý người chưa thành niên phạm tội phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh, môi trường sống của người đó;

Việc đưa người chưa thành niên vào cơ sở tập trung cải tạo chỉ được áp dụng như là biện pháp cuối cùng khi không còn biện pháp thích hợp nào khác và trong thời gian ngắn nhất có thể” (Toa an nhan dan toi cao & UNICEF Vietnam 2012: 109)

Đây chính là các quy định của CUQTE tại các Điều 40/4 và 37/b; quy tắc Bắc Kinh số 5, 17/1/a, và 19 và được nhắc lại trong Bình luận chung số 10 của Ủy ban Quyền trẻ em về việc xử lý trẻ em vi phạm pháp luật, và việc áp dụng các biện pháp hạn chế/tước tự do của trẻ em. Như vậy, khi Tòa án người chưa thành niên được thành lập thì nhiều tiêu chuẩn về tư pháp người chưa thành niên theo CUQTE và các văn kiện pháp lý liên quan có khả năng được bảo đảm thực hiện ở Việt Nam.

Các vấn đề về phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội, xử lý chuyên hướng, tạo điều kiện để người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng cũng được đề cập trong Báo cáo tổng quan như là trách nhiệm chung của gia đình, nhà nước và xã hội. Trên thực tế, các chương trình phòng chống tội phạm nói chung bao gồm phòng ngừa trẻ em vi phạm pháp luật chưa bao giờ được đưa vào các chương trình, kế hoạch hàng năm hoặc chuyên đề của ngành tòa án. Thường thì trách nhiệm chính trong công tác phòng ngừa tội phạm do ngành công an lập kế hoạch, thi hành và tổng kết. Tòa án chỉ tham gia trong các hội nghị tổng kết để nắm tính hình và trình bày về tình hình xét xử người chưa thành niên phạm tội (nếu có). Việc thực hiện Đề án 4 (Tong cuc Canh sat Phong-Chong toi pham 2012) “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên” từ năm 2006 đến 2010 là một ví dụ. Trong các chương trình này, vai trò của gia đình và các tổ chức xã hội còn khá mờ nhạt, chưa được đề cập một cách chi tiết và cụ thể; chưa có sự chủ động, tích cực của các tổ chức xã hội.

Đối với xử lý chuyên hướng, đây là một vấn đề khá mới mẻ trong cả thực tiễn pháp luật và khoa học pháp lý ở Việt Nam. Pháp luật Việt Nam chưa có các thuật ngữ tương ứng với

các thuật ngữ trong pháp luật quốc tế về xử lý chuyển hướng và tư pháp phục hồi mặc dù có một số quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự có truyền tải ít nhiều nội dung của xử lý chuyển hướng. Một số nghiên cứu bước đầu được xuất bản gần đây, bao gồm *Báo cáo Đánh giá Pháp luật và Thực tiễn Thi hành Pháp luật về Xử lý Chuyển hướng, Tư pháp Phục hồi đối với Người chưa thành niên Vi phạm Pháp luật* (Bo Tu phap & UNICEF Vietnam 2012a) đã chỉ ra rằng Việt Nam cần phải có một nỗ lực lớn trong lĩnh vực này để có thể tiếp cận đến các chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp phục hồi và xử lý chuyển hướng.

Trong một bối cảnh hiện nay như vậy, các mục tiêu được đề ra khi thành lập Tòa án người chưa thành niên là ý. Nếu ngành tòa án tích cực và chủ động hơn trong việc phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội, đạt được các mục tiêu như trong báo cáo, thì Việt Nam sẽ đáp ứng đáng kể các yêu cầu của chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp người chưa thành niên. Cụ thể là đã chuyển tải tinh thần của Hướng dẫn Riyadh về phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật, các Điều 40/3(b), 40/4 và Điều 39 của CƯQTE về tăng cường xử lý trẻ em phạm tội bằng các biện pháp không chính thức, hạn chế việc tước tự do của trẻ em; bảo vệ trẻ em là người bị hại; và tạo điều kiện để trẻ em tái hòa nhập cộng đồng.

Ngoài những mục tiêu được tuyên bố trong Báo cáo tổng quan, chúng ta còn có thể tin tưởng rằng khi Tòa án người chưa thành niên được thành lập và hoạt động sẽ thúc đẩy các thiết chế liên quan như cơ quan truy tố, tổ chức luật sư và các tổ chức xã hội khác trong việc bảo vệ tốt hơn các quyền của trẻ em. Các số liệu liên quan đến trẻ em sẽ được thống kê đầy đủ và chi tiết hơn, tạo điều kiện cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình cho trẻ em đạt hiệu quả cao. Và khi đó, không chỉ những hạn chế của tư pháp người chưa thành niên ở Việt Nam hiện nay được giải quyết mà các quyền trẻ em nói chung đều có thể được thực hiện tốt hơn. Bởi lẽ dựa trên Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người (United Nations 1948) có thể nói rằng tất cả các quyền con người là không thể tách rời, mà liên quan và tương thuộc lẫn nhau; sự đảm bảo, phát triển của mỗi quyền đều phụ thuộc và hỗ trợ đối với các quyền khác (Trindade 1998: 513 - 514; Office of the High Commissioner for Human Rights: 1; UN Population Fund: 1).

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, nếu tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên được thành lập và hoạt động hiệu quả, việc bảo vệ các quyền của trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là nạn nhân hay nhân chứng của tội phạm ở Việt Nam sẽ từng bước đạt tới các khuôn khổ và chuẩn mực pháp lý quốc tế trong tư pháp người chưa thành niên. Khi đó, quyền trẻ em ở Việt Nam nói chung ngày càng được được bảo vệ tốt hơn. Nói cách khác, khi Tòa án chuyên trách cho người chưa thành niên ở Việt Nam được thành lập, trách nhiệm pháp lý quốc gia thành viên của Việt Nam theo Công ước quyền trẻ em sẽ được thực hiện tốt hơn.

## Tài liệu tham khảo

Alanen, Leena 2010. 'Editorial: Taking children's rights seriously', *Childhood*, vol.17, no.1, pp.5-8.

Bo Tu pháp and UNICEF Vietnam 2012a, Báo cáo đánh giá pháp luật và thực tiễn thi hành về Xử lý chuyên hướng, tu pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật, Nxb Tu pháp, Hà Nội.

Bo Tu pháp and UNICEF Vietnam 2012b, Báo cáo đánh giá các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên và thực tiễn thi hành, Nxb Tu pháp, Hà Nội..

Children's Legal Centre 2010, Báo cáo Đánh giá các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên và thực tiễn thi hành, Hà Nội.

Chính phủ 2007, Nghị định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 186/2007/ND-CP.

Handley, Gill 2009, 'Children's right to participation', in T. Waller (ed.), *An Introduction to Early Childhood: A Multidisciplinary Approach*, SAGE, London.

Howe, R. Brian and Katherine Covell 2010. 'Miseducating children about their rights', *Education, Citizenship and Social Justice*, vol.5, no.2, pp.91 - 102.

Le Hữu Thế 2012, 'Sự cần thiết và những vấn đề đặt ra về thành lập Tòa án người chưa thành niên trước yêu cầu cải cách tư pháp', in Tòa án nhân dân tối cao and UNICEF Vietnam (ed.), Báo cáo Tổng quan về Cơ sở lý luận và Thực tiễn của sự cần thiết Thành lập Tòa án chuyên trách đối với Người chưa thành niên ở Việt Nam Nxb Thanh Niên, Hà Nội, pp145 - 151.

League of Nations 1924, Geneva Declaration of the Rights of the Child, <http://www.un-documents.net/gdrc1924.htm>.

Mower, A. Glenn 1997, *The Convention on the Rights of the Child: International Law Support for Children*, edn, Greenwood Press, Westport, Conn.

Office of the High Commissioner for Human Rights n.d 'Your Human Rights', 19 January 2012, <http://www.ohchr.org/en/issues/Pages/WhatareHumanRights.aspx>.

Phạm Quý Ty 2012, 'Thành lập Tòa án Gia đình và Người chưa thành niên ở Việt Nam', in Tòa án nhân dân tối cao and UNICEF Vietnam (ed.), Báo cáo Tổng quan về Cơ sở lý luận và Thực tiễn của sự cần thiết Thành lập Tòa án chuyên trách đối với Người chưa thành niên ở Việt Nam, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, pp127 - 133.

Phan Thi Thanh Mai 2012, 'Mot so y kien ve viec thanh lap toa an gia dinh va nguoi chua thanh nien o Vietnam, in Toa an nhan dan toi cao and UNICEF Vietnam (ed.), Bao cao Tong quan ve Co so ly luan va Thuc tien cua su can thiet Thanh lap Toa an chuyen trach doi voi Nguoi chua thanh nien o Viet Nam Nxb Thanh Nien, Ha Noi, pp173 - 182.

Quoc hoi 1999, Bo luat Hinh su, 15/1999/QH10

Quoc hoi 2003, Bo luat To tung Hinh su, 119/2003/QH11.

Raman, Shanti, Susan Woolfenden, Katrina Williams and Karen Zwi 2007. 'Human rights and child health', Journal of Paediatrics and Child Health, vol.43, no.9, pp.581 - 586.

Reid, Ken 2007. 'Some reflections on children's rights', Pastoral Care in Education, vol.25, no.1, pp.46 - 48.

Salazar-Volkman, Christian 2004, A Human Rights - Based Approach to Programming for Children and Women in Vietnam: Key Entry Points and Challenges, edn, Nxb Chinh tri Quoc gia, Ha Noi.

Thu tuong Chinh phu 2011, Quyet dinh Phe duyet Chuong tring Quoc gia Bao ve Tre m giai doan 2011-2014, 267/QĐ-TTg,

To chuc Bao ve tre em quoc te, (ed) 2002. Bao cao cua Uy ban Quyen tre em cua Lien hop quoc ve Cong tac tu phap nguoi chua thanh nien, Nxb Chinh tri Quoc gia, Ha Noi.

Toa an nhan dan toi cao and UNICEF Vietnam 2012, Bao cao Tong quan ve Co so ly luan va Thuc tien cua su can thiet Thanh lap Toa an chuyen trach doi voi Nguoi chua thanh nien o Viet Nam, Nxb Thanh Nien, Ha Noi.

Tong cuc Canh sat Phong-Chong toi pham 2012, Tai lieu Teng ket 5 năm thực hiện Đề án 4 "Đấu tranh Phong, Chong Toi pham Xâm hai Tre em và Toi pham trong lua tuoi Vi thanh nien" tu năm 2006 đến năm 2010 và Trien khai cac Ke hoach chuyen đề Bao ve Tre em nam 2012, Ha Noi.

Tran Van Do 2012, 'Nghien cuu Thanh lap Toa an Nguoi chua thanh nien o Viet Nam, in Toa an nhan dan toi cao and UNICEF Vietnam (ed.), Bao cao Tong quan ve Co so ly luan va Thuc tien cua su can thiet Thanh lap Toa an chuyen trach doi voi Nguoi chua thanh nien o Viet Nam. Nxb Thanh Nien, Ha Noi, pp119-126.

Trindade, Antonio A. Cancado 1998. 'The interdependence of all human rights - obstacles and challenges to their implementation', International Social Science Journal vol.50, no.4, pp.513 - 513.

UN Committee on the Rights of the Child 1993, Consideration of Reports Submitted by States Parties under Article 44 of the Convention - Concluding observations of the Committee on the Rights of the Child: Vietnam (CRC/C/15/Add.3).

UN Committee on the Rights of the Child 2003, Consideration of Reports Submitted by States Parties under Article 44 of the Convention -Concluding observations: Vietnam (CRC/C/15/Add.200).



UN Committee on the Rights of the Child 2007, General Comment No. 10: Children's Rights in Juvenile Justice, [http://www2.ohchr.org/english/bodies/crc/docs/co/CRC.C.HND.CO.3\\_en.pdf](http://www2.ohchr.org/english/bodies/crc/docs/co/CRC.C.HND.CO.3_en.pdf).

UN Committee on the Rights of the Child 2009, General Comment No. 12: The Rights of the Child to be Heard, <http://www2.ohchr.org/english/bodies/crc/docs/AdvanceVersions/CRC-C-GC-12.doc>.

UN Committee on the Rights of the Child 2012, Consideration of the Reports submitted by States Parties under the Article 44 of the Convention - Concluding Observations: Vietnam [CRC/C/VNM//CO/3-4](http://www2.ohchr.org/english/bodies/crc/docs/CO/3-4).

UN Economic and Social Council 1997, Guidelines for Action on Children in the Criminal Justice System, <http://www2.ohchr.org/english/law/system.htm>.

UN Population Fund n.d 'Human Rights Principles', 19 January 2012, <http://www.unfpa.org/rights/principles.htm>.

UNICEF 2011, Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010, Hà Nội.

United Nations 1948, The Universal Declaration of Human Rights, <http://www.un.org/en/documents/udhr/>.

United Nations 1955, Standard Minimum Rules for the Treatment of Prisoners, <http://www2.ohchr.org/english/law/treatmentprisoners.htm>.

United Nations 1959, Declaration of the Rights of the Child, <http://www.un.org/cyberschoolbus/humanrights/resources/child.asp>.

United Nations 1966a, International Covenant on Civil and Political Rights, <http://www2.ohchr.org/english/law/ccpr.htm>.

United Nations 1984, Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment, <http://www2.ohchr.org/english/law/cat.htm>.

United Nations 1985a, United Nations Standard Minimum Rules for Administration of Juvenile Justice (The Beijing Rules), <http://www2.ohchr.org/english/law/beijingrules.htm>.

United Nations 1985b, United Nations Declaration of the Basic Justice Principles for Victims of Offending and Power Abuse, <http://www2.ohchr.org/english/law/victims.htm>.

United Nations 1989, United Nations Convention on the Rights of the Child, <http://www2.ohchr.org/english/law/crc.htm>.

United Nations 1990, United Nations Standard Minimum Rules for Non-custodial Measures (the Tokyo Rules), <http://www2.ohchr.org/english/law/tokyorules.htm>.

United Nations 1990a, United Nations Guidelines for the Prevention of Juvenile Delinquency (The Riyadh Guidelines), <http://www2.ohchr.org/english/law/juvenile.htm>.

United Nations 1990b, United Nations Rules for the Protection of Juveniles Deprived for their Liberty (the Havana Rules), [http://www2.ohchr.org/english/law/res45\\_113.htm](http://www2.ohchr.org/english/law/res45_113.htm).

United Nations 2000, Optional protocol to the Convention on the Rights of the Child on the sale of children, child prostitution and child pornography, <http://www2.ohchr.org/english/law/crc-sale.htm>.

United Nations Economic and Social Council 2002, Basic Principles on the Use of Restorative Justice Programmes in Criminal Matters, <http://www.pfi.org/cjr/about-cjr/un-initiatives/ecosocresolution>.

United Nations Economic and Social Council 2005, Guidelines on Justice Matter Involving Child Victims and Witnesses of Crime, [http://www.juvenilejusticepanel.org/resource/items/U/N/UNVictimsWitnessesGuidelines\\_EN.pdf](http://www.juvenilejusticepanel.org/resource/items/U/N/UNVictimsWitnessesGuidelines_EN.pdf).

Viet Nam 2009, Báo cáo quốc gia kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam, Hà Nội.

Vietnam 1999, National Report on the Implementation of the Convention on the Rights of the Child 1993-1998, Hà Nội.

.....Hết.....